**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÔNG AN CẤP XÃ**

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**1. Thủ tục: Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Công dân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Công an xã, phường, thị trấn.

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy hẹn trả kết quả.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do.

Bước 4: Công dân nhận văn bản trả lời tại Công an xã, phường, thị trấn hoặc qua đường chuyển phát đến địa chỉ theo yêu cầu.

**1.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an xã, phường, thị trấn.

- Thông qua dịch vụ nhắn tin, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an (nếu có).

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của   
pháp luật).

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (trong đó nêu rõ lý do cần khai thác, sử dụng thông tin, thời gian khai thác, thông tin cần khai thác và cam đoan về việc chịu trách nhiệm trong sử dụng thông tin khi được cung cấp).

- Xuất trình giấy tờ hợp lệ chứng minh thông tin công dân đến nộp hồ sơ.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân đăng ký thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn quản lý.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, phường, thị trấn.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thông báo kết quả khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

**1.8. Lệ phí:** Chưa quy định.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Chưa quy định.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014.

- Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

- Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

**2. Thủ tục: Thông báo số định danh cá nhân**

**2.1. Trình tự thực hiện**

Bước 1: Công dân hoặc người đại diện hợp pháp của công dân yêu cầu Công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú cấp văn bản thông báo.

Bước 2: Công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú kiểm tra thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, in Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

**2.2. Cách thức thực hiện**

Trực tiếp tại Công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú.

**2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ: Xuất trình giấy tờ hợp lệ chứng minh thông tin công dân hoặc người đại diện hợp pháp.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**2.4. Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân đăng ký thường trú trên địa bàn quản lý.

**2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an cấp xã.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an).

**2.8. Lệ phí:** Chưa quy định.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014.

- Nghị định 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

- Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.

**III. CÁC MẪU ĐƠN, MẪU TỜ KHAI**

1. Phiếu thu nhận thông tin Căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

2. Phiếu thu thập thông tin dân cư (ký hiệu là DC01).

3. Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư (ký hiệu là DC02).

4. Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân (ký hiệu là CC07).

5. Giấy đề nghị xác nhận số Chứng minh nhân dân (ký hiệu là CC13).

Mẫu CCO2 ban hành kèm theo

Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015

Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Mã số, mã vạch một chiều)* | | **PHIẾU THU NHẬN THÔNG TIN**  17.  Ảnh chân dung  4cm x 6cm    **CĂN CƯỚC CÔNG DÂN**  Số thẻ CCCD:……………………….……………… | | | |  | |
| 1. Họ, chữ đệm và tên:**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..**  2. Họ, chữ đệm và tên gọi khác (nếu có):**……………………………………………………………………………………………………………………………………**   |  |  | | --- | --- | | 3. Ngày, tháng, năm sinh: | 4. Giới tính:.................. |   5. Số CMND/CCCD đã được cấp:  Cấp ngày: **……………/……………/……………..** Nơi cấp: **………………………………………….…………………………………………………**  6. Dân tộc:**………….……………..………...…**7. Tôn giáo:**………………………………**8.Quốc tịch**:…….……......................................................**.  9. Nơi đăng ký khai sinh :**……………………………………….……......................................................................................……………………………………………………….…………**  10. Quê quán:**………………………………………….....................................………………………………………………………………………………………………………………………………**  11. Nơi thường trú :**…………………………………………........................................................................................................................................................................................…………………**  12. Nghề nghiệp:**………………………………… ………………………..……………………**13. Trình độ học vấn:**………………………………..…………………….…….**  14. Họ, chữ đệm và tên của cha:**………………………………………………………………………………………………………………………….…………………….…………**  15. Họ, chữ đệm và tên của mẹ:**……………………………………………………………................................................................................................................................................**  16. Họ, chữ đệm và tên của vợ (chồng):**……………………………………………………………………………………………….……………..……………………………**  18. Đặc điểm nhân dạng:**………………………………………………………………………………………………..………………………………………………………............................**  19. Loại cấp:**…………………….………….** 20. Cấp lần thứ:**……………..………**21. Đơn vị lập:**……………….………………………………………..………………** | | | | | | | |
| Cái phải | Trỏ phải | | Giữa phải | | Nhẫn phải | | Út phải |
| Cái trái | Trỏ trái | | Giữa trái | | Nhẫn trái | | Út trái |
| 4 ngón chụm tay trái | | | | 4 ngón chụm tay phải | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| 22. **Cán bộ kiểm tra**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | 23***…………..…………..….****, ngày …………..….tháng****………………...****năm………….……*  **Người khai ký, ghi rõ họ tên** |

|  |  |
| --- | --- |
| ………………….………..…………………................(1)  Số:…….…../GXN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  Mẫu CCO7 ban hành kèm theo  Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**GIẤY XÁC NHẬN**

**(Số Chứng minh nhân dân)**

**……………..…………….………………………………………………………………..........………………………………………………………………………..**(1) xác nhận:

Ngày**…………**tháng**……………**năm**……………………**, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp thẻ Căn cước công dân số: cho:

Họ và tên:**………………………………………………………………….……………………………………………**; Giới tính:**…………...........……**(Nam/nữ).

Ngày, tháng, năm sinh:.**.………………………**/**…..……..………..……./….………………………..……………...**

Nơi thường trú:**…..……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….…………….**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………..……………………..**

Ông/bà có tên nêu trên đã được:........................................................................................................................................ (2)

Cấp CMND số:

Cấp ngày**………………**tháng**…...................**năm…………………..

Họ và tên ghi trên CMND là: **………………………………………………………………………………………..……..…………………….…….....................…………**

Họ và tên gọi khác ghi trên CMND (nếu có)**………………………………..................................................……………………………..……..………………**

Ngày, tháng, năm sinh ghi trên CMND là: **……………………………………………………………………………….………..……................……**

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***…….………………….****, ngày****………………****tháng****………………****năm****………………****.*  **……………………………………………** (3)  *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** *(1): Ghi tên đơn vị cấp giấy xác nhận.*

*(2): Ghi tên đơn vị đã cấp CMND cho công dân*

*(3): Ghi chức danh của người có thẩm quyền cấp giấy xác nhận*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Mẫu CC13 ban hành kèm theo

Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỐ CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Kính gửi(1): **………………………..……………………………………………………………………..………………………………………………..**

1. Họ, chữ đệm và tên(2):**……………………..…………………………..……………………………………………………………………..……………………………..**

2. Họ, chữ đệm và tên gọi khác (nếu có)(2):**………………………………………………………………………………..…..……………………**

3. Ngày, tháng, năm sinh:**……..………**./**…….…………**./**…………………**.; 4. Giới tính (Nam/nữ):**……………………....…………...**

5. Dân tộc:**…………………….….…………………………………………**6. Quốc tịch: **……………………………….………………………………………………….**

7. Nơi đăng ký khai sinh:**………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………**

8. Quê quán: **………………………………………………………………………………..………………………………………………………………………………………..………**

9. Nơi thường trú**:……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..………………**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**

10. Số CCCD đã được cấp(3):

11. Số CMND đã được cấp(4):

Đề nghị(1):**………………………………………………………………………………………………………………..……………**xác nhận số Chứng minh nhân dân và số thẻ Căn cước cước công dân cho tôi. Tôi xin cam đoan những thông tin kê khai trên là đúng sự thật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***.…………………****, ngày* ***…………..….****tháng****……………..…****năm………..…*  **NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

Ghi chú: *- (1): Ghi tên cơ quan quản lý CCCD nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị xác nhận số CMND.*

*- (2): Ghi chữ in hoa đủ dấu.*

*- (3) và (4): Ghi số thẻ CCCD, số CMND đã được cấp.*

*- CCCD là viết tắt của Căn cước công dân; CMND là viết tắt của Chứng minh nhân dân./.*

Mẫu DC01 ban hành kèm theo

Thông tư số 104/2020/TT-BCA ngày 30/9/2020

|  |  |
| --- | --- |
| Tỉnh/thành phố:…............................................................  Quận/huyện/thị xã/thành phố……………………………  Xã/phường /thị trấn:………………………..................... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN DÂN CƯ**

1. Họ, chữ đệm và tên khai sinh*(1)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2. Ngày, tháng, năm sinh: |  |  | / |  | |  | / |  |  |  |  |  | 3. Nhóm máu: 🞎O🞎A🞎B🞎AB |
| 4. Giới tính: 🞎 Nam 🞎 Nữ | | | | | 5. Tình trạng hôn nhân: 🞎Chưa kết hôn 🞎Đã kết hôn 🞎Ly hôn | | | | | | | | |

6. Nơi đăng ký khai sinh*(2)*:

7. Quê quán*(2)*:

8. Dân tộc:………………………...9. Quốc tịch*(3)*:🞎 Việt Nam; Quốc tịch khác:………………….…………….…….

10. Tôn giáo:……………………11. Số ĐDCN/Số CMND*(5)*:

12. Nơi thường trú*(4)*:

13. Nơi ở hiện tại*(Chỉ kê khai nếu khác nơi thường trú)(4)*:

14. Họ, chữ đệm và tên cha*(1)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số CMND Số ĐDCN*(5)* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

Quốc tịch: …………………………………...

Họ, chữ đệm và tên mẹ*(1)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số CMND Số ĐDCN*(5)* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

Quốc tịch:.…………………………………...

Họ, chữ đệm và tên vợ/chồng*(1)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số CMND Số ĐDCN*(5)* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

Quốc tịch:……………………………….…...

Họ, chữ đệm và tên người đại diện hợp pháp (nếu có)*(1)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số CMND Số ĐDCN*(5)* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

Quốc tịch:.…………………………………...

15. Họ, chữ đệm và tên chủ hộ*(1)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số CMND Số ĐDCN*(5)* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

16. Quan hệ với chủ hộ:...........................................................17. Số hồ sơ hộ khẩu*(6)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Ngày khai:* |  |  | / |  |  | / |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phê duyệt của Thủ trưởng cơ quan**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Cán bộ đề xuất**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Người khai**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Người khai**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Ghi chú**: ***(1)*** *Viết IN HOA đủ dấu.* ***(2)*** *Ghi đầy đủ địa danh hành chính cấp: xã, huyện, tỉnh.* ***(3)****Ghi Quốc tịch khác và ghi rõ tên quốc tịch nếu công dân có 02 Quốc tịch.* ***(4)****Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, xóm, làng; thôn, ấp, bản, buôn, phum, sóc; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. (5)Ghi số định danh cá nhân (ĐDCN),số Căn cước công dân (CCCD), trường hợp chưa có số ĐDCN thì ghi số CMND.(6)Cán bộ Công an ghi mục này.*

|  |  |
| --- | --- |
| Tỉnh/thành phố:…....................................................  Quận/huyện/thị xã/thành phố…………………...…  Xã/phường /thị trấn:………………………............. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  Mẫu DC02 ban hành kèm theo  Thông tư số 104/2020/TT-BCA ngày 30/9/2020  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU CẬP NHẬT, CHỈNH SỬA THÔNG TIN DÂN CƯ**

1. **Thông tin về người khai**(1)
2. Họ, chữ đệm và tên(2):...........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2. Số ĐDCN(3)  Số CMND | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

3. Quan hệ với người được cập nhật, chỉnh sửa thông tin:.......................................

1. **Thông tin về người được cập nhật, chỉnh sửa thông tin**(4)
2. Họ, chữ đệm và tên khai sinh(2):.....................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2. Ngày, tháng, năm sinh: |  |  | / |  |  | / |  |  |  |  |  |

3. Giới tính: 🞎 Nam 🞎 Nữ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 4. Số ĐDCN(3)  Số CMND | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

1. Nơi thường trú(5):.................................................................................................

..................................................................................................................................

6. Nơi ở hiện tại *(Chỉ kê khai nếu khác nơi thường trú)*(5):.......................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

7. Số hồ sơ hộ khẩu(6):..............................................................................................

1. **Nội dung thông tin cập nhật, chỉnh sửa**

......................................................................................................................................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................................................................................

...................................................................................................................................

1. **Hồ sơ, tài liệu kèm theo**

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phê duyệt của Thủ trưởng cơ quan**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Cán bộ đề xuất**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *.........., ngày……tháng……năm……*  **Người khai**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Ghi chú**: ***(1)****Chỉ phải ghi thông tin về người khai trong trường hợp người khai không phải là người được cập nhật, chỉnh sửa thông tin. (2)Viết IN HOA đủ dấu.(3)Ghi số định danh cá nhân, số căn cước công dân (CCCD), trường hợp chưa có số ĐDCN thì ghi số CMND.(4)Ghi thông tin của công dân trước khi được cập nhật, chỉnh sửa. (5)Ghi đầy đủ địa danh hành chính 03 cấp: xã, huyện, tỉnh.(6 )Cán bộ Công an ghi mục này.*